

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:20/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06-7-2020

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thân Văn Nhân

2. Ông Nguyễn Ngọc Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST – HPT ngày 19/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1983 (có mặt)

HKTT: Thôn Y, xã N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Thôn Đ, xã H, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh C, sinh năm 1981 (vắng mặt)

HKTT: Thôn Y, xã N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/12/2019 và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn – chị Trần Thị D trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị kết hôn với anh C vào ngày 26/11/2004 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Trước khi cưới vợ chồng chị được tìm hiểu nhau khoảng thời gian hơn 1 năm do hai vợ chồng làm cùng công ty. Sau khi tổ chức hôn lễ theo phong tục địa

phương thì chị về làm dâu gia đình nhà anh C ngay và vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ anh C một thời gian ngắn thì ra ở riêng ở nhà ngoài sau lại về ở cùng bố mẹ anh C. Cuộc sống vợ chồng chị hạnh phúc từ khi kết hôn đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Anh C thường xuyên đánh đập, chửi bới chị, không quan tâm tới gia đình vợ con. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay, không ai còn quan tâm tới ai, chị hiện nay đang ở nhà bố mẹ đẻ ở xã Hồng Thái. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Quốc K, sinh ngày 03/9/2005 và cháu Phạm Trung Đ sinh ngày 29/11/2011. Hiện nay cả 2 cháu đều đang ở cùng với anh C vì anh C không cho chị đón cháu nào. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu Đ và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng canh tác: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh C: Đã được Tòa án triệu tập, anh C có lên Tòa án nhưng không làm việc, không viết bản tự khai, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án.

Xác minh tại địa phương, chính quyền thôn Y, xã Nghĩa Trung cho biết: Anh C và chị Trần Thị D là công dân của địa phương. Anh C chị D kết hôn với nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn chị D và anh C về chung sống với nhau ngay. Vợ chồng anh C chị D mâu thuẫn với nhau như thế nào địa phương không nắm được. Tuy nhiên, khoảng 3-4 tháng nay chị D đã về nhà bố mẹ đẻ ở Hồng Thái, không ở nhà anh C nữa. Hiện anh C đang đi làm thợ xây và thường xuyên có mặt tại địa phương. Anh C chị D có 02 con chung là Phạm Quốc K và Phạm Trung Đ. Đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, con chung của anh C chị D theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – chị Trần Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Về quan hệ vợ chồng, chị xin ly hôn anh C. Lý do chị xin ly hôn anh C vì anh thường xuyên đánh đập, chửi bới chị và gia đình chị, không quan tâm gì tới gia đình vợ con. Về con chung, chị xác định vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Phạm Quốc K, sinh ngày 03/9/2005 và cháu Phạm Trung Đ sinh ngày 29/11/2011. Hiện nay cháu Khánh và cháu Đ đều đang ở cùng anh C do anh C không cho chị gặp và đón con. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu Đ vì cháu còn nhỏ. Chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện nay chị đang đi làm công nhân công ty may, thu nhập khoảng 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/01 tháng, đủ điều kiện nuôi con. Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác chị xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh C đã được niêm yết triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị D được ly hôn anh C.

Về con chung: Giao chị Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Trung Đsinh ngày 29/11/2011. Giao anh C được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Quốc K, sinh ngày 03/9/2005. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị D anh C không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị D xin ly hôn anh C và đề nghị giải quyết việc nuôi con chung của vợ chồng nên đây là quan hệ pháp luật về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn là anh C có địa chỉ tại Thôn Y, xã N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nên theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Anh C đã được niêm yết triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy, HĐXX căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị D trình bày chị và anh C kết hôn ngày 26/11/2004 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Chị D cũng đã cung cấp được giấy trích lục kết hôn bản sao. Như vậy, hôn nhân của chị D anh C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nay chị D xin ly hôn, anh C không hợp tác làm việc, không có bản tự khai, không mong muốn hòa giải vợ chồng về đoàn tụ. Qua xác minh tại địa phương thì thấy chị D đã về nhà bố mẹ đẻ ở Hồng Thái ở một thời gian, không ai còn quan tâm tới ai. Điều đó có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

[3] Về con chung: Chị D xác nhận chị và anh C có 02 con chung là cháu Phạm Quốc K, sinh ngày 03/9/2005 và cháu Phạm Trung Đsinh ngày 29/11/2011. Ly hôn, chị D có nguyện vọng được nuôi cháu Đ còn anh C nuôi cháu Khánh. Hội đồng xét xử xét thấy:

Cháu Khánh và cháu Đ hiện nay đều đang ở cùng anh C và phát triển bình thường. Qua lấy lời khai của cháu Khánh thể hiện cháu có nguyện vọng được ở cùng anh C còn cháu Đ có nguyện vọng được ở cùng cả chị D, anh C. Mặc dù, cả 2 con chung ở với anh C đều phát triển bình thường, tuy nhiên chị D hiện nay đang làm công nhân, có thu nhập ổn định, có nguyện vọng được nuôi cháu Đ và cháu Đ hiện còn nhỏ nên cần giao cháu Đ cho chị D nuôi dưỡng, giao cháu Khánh cho anh C nuôi dưỡng là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh C không thể hiện nguyện vọng của mình nên HĐXX không xem xét trong vụ án này.

[4] Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng đất: Chị Trần Thị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Trần Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị D được ly hôn anh C.

Về con chung: Giao chị Trần Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Trung Đsinh ngày 29/11/2011. Giao anh C được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Quốc K, sinh ngày 03/9/2005. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị D, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị D anh C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Trần Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai

số AA/2016/0001039 ngày 03/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo thời hạn kháng cáo là 15 ngày cho đương sự có mặt biết kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- UBND xã N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lương Thị Thanh Quyên